

Phụ lục I

RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ SỞ GIÁO DỤC

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BGDĐT ngày tháng năm 2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Việc rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan đến phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nhằm hệ thống hóa toàn bộ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và các điều ước quốc tế, làm nền tảng cho việc rà soát thực trạng và xây dựng dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Cụ thể:

A. RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Tổ chức thực hiện rà soát

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát

- Hệ thống hóa toàn bộ các cơ sở chính trị (Chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng) và cơ sở pháp lý (Luật, Nghị định, Thông tư của Nhà nước) có liên quan đến chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập.

- Đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của các chính sách được đề xuất trong Dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật hiện hành và các định hướng cải cách tiền lương của Đảng.

- Phát hiện các khoảng trống pháp lý, các mâu thuẫn chồng chéo giữa quy định cũ và mới để đưa ra phương án xử lý, sửa đổi, bổ sung kịp thời, đảm bảo tính khả thi cao nhất khi Nghị định được ban hành.

b) Yêu cầu rà soát

- Bảo đảm tính toàn diện, khách quan, chính xác và bám sát thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sử dụng dữ liệu định lượng chuẩn xác từ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của 20 bộ, ngành và các địa phương trên cả nước làm thước đo thực tiễn cho các đánh giá chính sách.

- Đề xuất xử lý phải rõ ràng, có căn cứ pháp lý vững chắc, bảo đảm nguyên tắc cốt lõi: "Không làm giảm quyền lợi của đội ngũ cán bộ quản lý trong quá trình chuyển đổi; trường hợp bắt buộc quy định thấp hơn phải có điều khoản bảo lưu mức hưởng cũ trong thời gian chuyển tiếp"

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi rà soát:

- Về không gian: Áp dụng đối với tất cả các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ mầm non đến đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên trên phạm vi toàn quốc (ngoại trừ các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an).

- Về thời gian: Rà soát các văn bản ban hành từ giai đoạn cải cách tiền lương năm 2004 đến nay, đặc biệt cập nhật các văn bản luật và quy định chỉ đạo mới nhất trong năm 2025 và 2026.

b) Nội dung rà soát

- Rà soát sự tương thích của Dự thảo Nghị định với các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị về chính sách tiền lương (Nghị quyết 27-NQ/TW), đột phá phát triển giáo dục (Nghị quyết 71-NQ/TW) và danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (Quy định 368-QĐ/TW).

- Rà soát tính thống nhất của các điều khoản trong dự thảo với các đạo luật mới (Luật Nhà giáo 2025, Luật Giáo dục sửa đổi 2025, Luật Viên chức, Luật GDĐH, Luật GDNN) và các nghị định hướng dẫn thi hành (Nghị định 93/2026/NĐ-CP, Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, Nghị định số 259/2026/NĐ-CP, Nghị định số 299/2026/NĐ-CP, Nghị định 279/2026/NĐ-CP).

- Rà soát thực trạng phân hạng và mức hệ số phụ cấp cũ tại các Thông tư liên bộ (Thông tư 33/2005/TT-BGDĐT, 48/2008/TT-BGDĐT, 14/2007/TT-BLĐTBXH) để đối chiếu, xây dựng quy định mức phụ cấp mới.

c) Đối tượng rà soát

- Dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và các chính sách cốt lõi kèm theo.

- Đối ngũ chịu tác động: Gồm các cơ sở giáo dục công lập và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trực tiếp hưởng phụ cấp.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối, chỉ đạo của Đảng

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Đã thể chế đầy đủ hoặc 01 phần/ phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	Đề xuất xử lý
Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết số 71-NQ/TW: Tạo đột phá phát triển toàn diện giáo dục; cải cách đãi ngộ tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Quy định số 368-QĐ/TW: Ban hành danh mục vị trí chức danh, chức vụ lãnh đạo hệ thống chính trị để thực hiện đồng bộ công tác cán bộ, bổ nhiệm, xếp lương và phụ cấp.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1): Quy định hệ số phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Không áp dụng đối với cơ sở thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.	Đã thể chế đầy đủ và phù hợp: Dự thảo đã bao quát toàn diện các loại hình cơ sở giáo dục công lập từ mầm non đến đại học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và các trường chuyên biệt. Việc không áp dụng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là phù hợp do khối lực lượng vũ trang có bảng phụ cấp chức vụ đặc thù riêng.	Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như quy định tại Điều 1 của Dự thảo
Nghị quyết số 27-NQ/TW: Đảm bảo không giảm quyền lợi, thu nhập của đội ngũ khi sắp xếp, chuyển xếp lương mới. Quy định số 368-QĐ/TW: Quy định nguyên tắc sắp xếp các chức danh, chức vụ lãnh đạo theo nhóm, bậc tương đương, một người giữ nhiều chức vụ lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ.	Nguyên tắc hưởng phụ cấp chức vụ (Điều 3) - Cán bộ quản lý hưởng phụ cấp gắn với loại hình cơ sở giáo dục. Trường nhiều cấp học hưởng theo cấp cao nhất. - Giữ nhiều chức vụ chỉ hưởng 1 mức cao nhất. - Được bảo lưu mức cũ khi chuyển, biệt phái, điều động theo yêu cầu nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đến hết thời gian bổ nhiệm. - Trường hợp dịch chuyển theo	Đã thể chế đầy đủ và phù hợp: Nguyên tắc hưởng được xây dựng khoa học, công bằng, kế thừa tinh thần của Nghị quyết 27-NQ/TW [57]. Đặc biệt, việc phân tách bảo lưu do yêu cầu nhiệm vụ (đến hết thời gian bổ nhiệm) [7] và theo nguyện vọng cá nhân (tối đa 06 tháng) [8] thể hiện sự nhân văn, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ luân chuyển của Nhà nước.	Giữ nguyên các nguyên tắc hưởng quy định tại Điều 3 của Dự thảo

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Đã thể chế đầy đủ hoặc 01 phần/ phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	Đề xuất xử lý
	nguyện vọng cá nhân chỉ bảo lưu tối đa 06 tháng. - Người giao phụ trách hưởng mức của Hiệu trưởng/Giám đốc.		
Quy định số 368-QĐ/TW: Xếp Giám đốc ĐHQG Hà Nội và TP.HCM vào Nhóm III, Bậc 1 (diện Ban Bí thư quản lý); Phó Giám đốc ĐHQG và Hiệu trưởng trường thành viên vào Nhóm IV, Bậc 1; phân nhóm, bậc cụ thể đối với cấp trưởng và cấp phó các đơn vị sự nghiệp, cơ sở đào tạo theo quy mô và thẩm quyền quản lý. Nghị quyết số 27-NQ/TW: Đẩy mạnh tự chủ tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập.	Khung hệ số phụ cấp đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng (Điều 4, Điều 5, Điều 6). Cộng thêm 0,1 nếu là trường trọng điểm hoặc đào tạo giáo viên. Trường Cao đẳng trọng điểm/chất lượng cao hoặc có từ 3 phân hiệu trở lên cao hơn trường cao đẳng còn lại.	Đã thể chế đầy đủ và phù hợp: Hệ số phụ cấp quy định cho Đại học Quốc gia (1,30 đối với Giám đốc; 1,10 đối với Phó Giám đốc) hoàn toàn tương thích với định vị chính trị Nhóm III Bậc 1 tại Quy định 368-QĐ/TW. Khung phụ cấp cho khối đại học và cao đẳng tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đơn giản hóa bậc quản lý.	Giữ nguyên các mức phụ cấp quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Dự thảo
Nghị quyết số 27-NQ/TW: Ưu tiên đãi ngộ, nâng mức đãi ngộ đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Nghị quyết số 71-NQ/TW: Đột phá chính sách đãi ngộ đội ngũ nhà giáo kiêm nhiệm quản lý.	Khung hệ số phụ cấp đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và mầm non (Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11)	Đã thể chế đầy đủ và phù hợp một phần: - Việc xóa bỏ cơ chế xếp hạng trường dựa trên số lớp, đưa phụ cấp cán bộ quản lý phổ thông, mầm non về một mức chung (bằng mức trần hạng cao nhất cũ) là giải pháp đột phá, nhân văn. Giúp Hiệu trưởng trường quy mô nhỏ ở vùng đặc biệt khó khăn hưởng phụ cấp tương đương trường đô thị lớn, đúng tinh thần ưu tiên vùng khó khăn của Nghị quyết 27-NQ/TW.	Giữ nguyên các mức phụ cấp quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 11 của Dự thảo

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Đã thể chế đầy đủ hoặc 01 phần/ phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	Đề xuất xử lý
		- Mặt chưa thực sự phù hợp: Các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó tổ chuyên môn thực chất là kiêm nhiệm chuyên môn, không phải chức danh quản lý. Xếp vào bảng Phụ cấp chức vụ chưa hoàn toàn đồng bộ với định hướng vị trí việc làm mới của Nghị quyết 27-NQ/TW. Tuy nhiên, Nghị định số 232/2026/NĐ-CP đã quy định vị trí việc làm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ chuyên môn là vị trí việc làm quản lý.	
Nghị quyết số 27-NQ/TW: Tinh gọn bộ máy, sắp xếp giảm đầu mối đơn vị hành chính cấp huyện. Nghị quyết số 71-NQ/TW: Thúc đẩy học tập suốt đời, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX. Quy định số 368-QĐ/TW: phân nhóm, bậc cụ thể đối với cấp trưởng và cấp phó các đơn vị sự nghiệp, trung tâm theo quy mô và thẩm quyền quản lý.	Khung phụ cấp cho khối cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm GDNN (Điều 10)	Đã thể chế phù hợp một phần: Mức chung 0,80 cho Giám đốc và 0,60 cho Phó Giám đốc trung tâm giúp tháo gỡ điểm nghẽn sáp nhập các trung tâm, bỏ thủ tục hành chính phức tạp trong phân hạng, xếp loại trung tâm (05 hạng). Tuy nhiên, đối với Giám đốc Trung tâm GDTX cấp tỉnh hạng III đang hưởng hệ số 0,90 theo quy định cũ, việc cao bằng 0,80 sẽ làm giảm quyền lợi thực tế; chỉ tạm thời giữ nguyên đối với các cán bộ quản lý được áp dụng quy định chuyển tiếp.	Giữ nguyên các mức phụ cấp quy định tại Điều 10 (để phù hợp trong tương quan tổng thể khung chức danh vị trí lãnh đạo tại Quy định số 368-QĐ/TW.
Nghị quyết số 27-NQ/TW: Cải cách hành chính mạnh mẽ, loại bỏ các thủ tục hành chính phức tạp, tốn kém, không hiệu quả.	Bãi bỏ phân loại, xếp hạng trường để xác định phụ cấp chức vụ (Điều 13)	Đã thể chế toàn diện và đột phá: Việc bãi bỏ 11 hạng trường theo quy mô số lớp học giúp cắt giảm triệt để	Giữ nguyên phương án bãi bỏ phân hạng trường

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Đã thể chế đầy đủ hoặc 01 phần/ phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	Đề xuất xử lý
Nghị quyết số 71-NQ/TW: Nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở giáo dục theo hướng hiện đại, giảm gánh nặng hồ sơ sổ sách.	Bãi bỏ hoàn toàn hệ thống phân hạng 11 mức dựa trên số lượng lớp học đối với khối mầm non, phổ thông, trung tâm GDTX Áp dụng mức phụ cấp thống nhất theo từng cấp học, trình độ đào tạo	thủ tục hành chính định kỳ hằng năm tại địa phương. Chuyển từ quản lý quy mô số lượng sang quản lý chất lượng và vị trí việc làm, hoàn toàn phù hợp với định hướng cải cách hành chính của Đảng	tại Điều 13 của Dự thảo

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/ dự thảo văn bản)	Đề xuất xử lý
Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15	Căn cứ ban hành và Thẩm quyền ban hành Nghị định	Hoàn toàn hợp hiến, hợp pháp	Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản.
Luật Viên chức số 129/2025/QH15: Quy định về viên chức quản lý và vị trí việc làm. Luật Giáo dục sửa đổi 2025 (Luật số 123/2025/QH15): Xác định hệ thống giáo dục quốc dân. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15: Định vị vai trò, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo kiêm nhiệm quản lý. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP: quy định danh mục vị trí việc làm viên chức	Đối tượng áp dụng và Chức danh tương đương (Điều 1 và Điều 2) Quy định phụ cấp áp dụng cho viên chức quản lý cơ sở giáo dục công lập. Cho phép người đứng đầu cơ sở quyết định hệ số phụ cấp các chức danh tương đương dựa trên Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.	Hoàn toàn hợp pháp và thống nhất: Dự thảo bám sát định nghĩa về viên chức quản lý của Luật Viên chức. Khái niệm "chức danh tương đương", "đơn vị tương đương" (Điều 2) tạo ra sự linh hoạt, phù hợp với các Thông tư vị trí việc làm mới của Bộ GDĐT.	Giữ nguyên các quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Dự thảo

Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/ dự thảo văn bản)	Đề xuất xử lý
quản lý (tại Phụ lục I). Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, 20/2023/TT-BGDĐT, 04/2024/TT-BGDĐT: Quy định danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại cơ sở giáo dục.			
Luật Viên chức: Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của viên chức khi được điều động theo yêu cầu của Nhà nước. Thông tư số 02/2005/TT-BNV: Hướng dẫn chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo tối đa là 06 tháng chung cho tất cả các trường hợp.	Nguyên tắc bảo lưu phụ cấp chức vụ (Điều 3) Bảo lưu mức phụ cấp chức vụ cũ khi chuyển, điều động do yêu cầu nhiệm vụ đến hết thời gian bổ nhiệm. Bảo lưu tối đa 06 tháng khi chuyển theo nguyện vọng cá nhân.	Hợp pháp và đảm bảo tính tiến bộ: Quy định tại dự thảo tuy có sự khác biệt so với mức tối đa 06 tháng của Thông tư 02/2005/TT-BNV, nhưng sự khác biệt này là hợp pháp và cần thiết vì Luật Nhà giáo 2025 và Luật Viên chức mới cho phép áp dụng các chính sách ưu đãi đột phá hơn nhằm bảo vệ nhà giáo kiêm nhiệm quản lý. Việc bảo lưu đến hết thời gian bổ nhiệm khi điều động do yêu cầu nhiệm vụ giúp cán bộ yên tâm công tác, chống xáo trộn hệ thống	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 3
Nghị định số 204/2004/NĐ-CP: Giám đốc ĐHQG hưởng phụ cấp 1,3; Phó Giám đốc hưởng 1,1. Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15: quy định quyền tự chủ tổ chức, nhân sự của cơ sở giáo dục đại học.	Phụ cấp chức vụ đối với khối Giáo dục Đại học (Điều 4) Đại học Quốc gia: Giám đốc (1,30). Đại học vùng: Giám đốc (1,10). Trường Đại học trọng điểm, đào tạo giáo viên cộng thêm 0,1.	Hợp pháp và đồng bộ: Mức phụ cấp mới cơ bản giữ nguyên mức phụ cấp quy định cũ tại Nghị định 204 (như nâng Giám đốc ĐHQG 1,30; Phó Giám đốc 1,10) là hợp pháp, tương thích với vị thế chính trị mới của Đại học Quốc gia theo Quy định 368-QĐ/TW và Luật Giáo dục đại học	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 4

Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/ dự thảo văn bản)	Đề xuất xử lý
Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15: quy định quyền tự chủ tổ chức, nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH: xếp hạng và phụ cấp trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề công lập (phân thành 3 hạng với Hiệu trưởng cao đẳng hưởng từ 0,80 đến 0,90)	Phụ cấp chức vụ khối Cao đẳng và Trung cấp (Điều 5 và Điều 6) Trường cao đẳng trọng điểm hoặc có từ 3 phân hiệu: Hiệu trưởng (0,90); Phó HT (0,70) Trường trung cấp: Hiệu trưởng (0,80); Phó HT (0,60)	Hợp pháp và thống nhất, đồng bộ: Dự thảo đã hợp nhất quy định phụ cấp của hai khối cao đẳng/trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng/trung cấp nghề về chung một khung thống nhất, chấm dứt tình trạng cát cứ văn bản kéo dài từ năm 2007. Tiêu chuẩn "có từ 03 phân hiệu trở lên" thay thế cho "quy mô 2.000 học sinh" là sự cải cách hành chính mạnh mẽ, loại bỏ thủ tục tính toán phức tạp	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 5 và Điều 6
Luật Viên chức số 129/2025/QH15 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP: Xác định Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn là chức danh vị trí việc làm viên chức quản lý (Phụ lục I).	Phụ cấp chức vụ đối với các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó tổ chuyên môn khối mầm non và phổ thông (Điều 7, Điều 8 và Điều 9): Quy định phụ cấp Tổ trưởng mầm non, phổ thông dao động từ 0,20 - 0,25; Tổ phó từ 0,15.	Hợp pháp và thống nhất: Việc duy trì đối tượng này trong bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo là chuẩn xác, thống nhất với pháp luật về viên chức.	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 7, Điều 8 và Điều 9
Luật Giáo dục (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 123/2025/QH15) Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15: trung tâm GDNN là cơ sở giáo dục khác, không là cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT: quy định xếp hạng trung tâm GDTX cấp tỉnh	Phụ cấp khối Trung tâm GDTX, trung tâm GDNN (Điều 10): Quy định chung 01 mức phụ cấp cho tất cả các trung tâm. Bãi bỏ quy định xếp hạng các trung tâm hiện hành (03 hạng 3, 4, 5 với các Trung tâm GDTX và 03 hạng 5, 6, 7 với các trung tâm GDNN).	Hợp pháp và cơ bản thống nhất: Việc bãi bỏ quy định về xếp hạng giúp đơn giản hóa quản lý, nhưng mức cao bằng 0,80 cho Giám đốc trung tâm sẽ làm giảm phụ cấp của Giám đốc Trung tâm GDTX Hạng III hiện hành (cấp tỉnh) từ 0,90 xuống 0,80. Dự thảo đã có quy định	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 10

Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/ dự thảo văn bản)	Đề xuất xử lý
thành 3 hạng (III, IV, V).		chuyển tiếp để bảo đảm quyền lợi đội ngũ này trong trường hợp mức phụ cấp mới thấp hơn, phù hợp với nguyên tắc bảo vệ quyền lợi cho viên chức quản lý.	
Luật Bảo hiểm xã hội Nghị định số 299/2026/NĐ-CP quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập: quy định rõ nguồn kinh phí chi trả, đặc biệt là trách nhiệm tự cân đối của địa phương và đơn vị tự chủ Nhóm 1, Nhóm 2.	Cách chi trả phụ cấp chức vụ và nguồn kinh phí, nguồn kinh phí chi trả (Điều 12, Điều 14): Quy định chi trả cùng kỳ lương, tính đóng BHXH Quy định nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ đối với các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đã thể chế hóa đầy đủ, thống nhất quy định có liên quan: Quy định chi trả cùng kỳ lương và tính đóng BHXH là hoàn toàn hợp pháp và thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội. Quy định về nguồn kinh phí thực hiện để ràng buộc trách nhiệm tài chính của địa phương và đơn vị tự chủ.	Giữ nguyên quy định bảo lưu của Dự thảo Điều 12 và Điều 14
Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ: quy định về việc xếp hạng đơn vị sự nghiệp dịch vụ công công lập (cơ sở giáo dục công lập gồm 11 hạng từ hạng đặc biệt tới hạng 10).	Điều khoản chuyển tiếp và Bãi bỏ phân loại, xếp hạng cơ sở giáo dục (Điều 13) Bãi bỏ phân loại, xếp hạng cơ sở giáo dục để tính phụ cấp. Cho phép tiếp tục hưởng mức cũ nếu mức mới thấp hơn cho đến hết thời hạn bổ nhiệm.	Hoàn toàn hợp pháp, đảm bảo cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, bảo đảm tính nhân văn: Việc Nghị định mới bãi bỏ quy định xếp hạng trường để tính phụ cấp là hợp pháp, vì Nghị định của Chính phủ có hiệu lực pháp lý cao hơn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 181/2005/QĐ-TTg). Việc sáp nhập, sắp xếp tổ chức là do yêu cầu nhiệm vụ của Nhà nước	Giữ nguyên quy định bãi bỏ phân hạng trường và điều khoản chuyển tiếp bảo lưu đến hết thời hạn bổ nhiệm đối với trường hợp chuyển

Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Quy định của dự thảo	Đánh giá (Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/ dự thảo văn bản)	Đề xuất xử lý
		(không phải nguyện vọng cá nhân), do đó đề nghị giữ nguyên phương án của dự thảo (bảo lưu cho đến hết thời hạn bổ nhiệm) để ổn định tâm lý đội ngũ CBQL.	chuyển do yêu cầu nhiệm vụ và sáp nhập tổ chức tại Điều 13

B. RÀ SOÁT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

1. Căn cứ rà soát

- **Các văn bản luật trong nước:** Dự thảo Nghị định quy định phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, căn cứ vào Luật Giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15), Luật Nhà giáo 2025, Luật Giáo dục đại học 2025 và Luật Giáo dục nghề nghiệp 2025.

- Về phía quốc tế:

- + Nhóm công ước về quyền con người: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế xã hội và văn hóa (ICESCR).
- + Nhóm các công ước về lao động của ILO: Công ước số 100 về trả công bình đẳng cho một công việc có giá trị ngang nhau, Công ước số 111 về phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp.
- + Các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ WTO (Hiệp định GATS), Hiệp định CPTPP, EVFTA và RCEP liên quan đến dịch vụ giáo dục và dịch vụ chuyên môn,...

2. Đánh giá tính tương thích chi tiết

Nội dung đánh giá	Kết quả rà soát và đánh giá tương thích	Đề xuất xử lý
Sự tương thích về	Tương thích Chính sách về phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tương thích với Điều 7 của	Giữ nguyên: không phát sinh

Nội dung đánh giá	Kết quả rà soát và đánh giá tương thích	Đề xuất xử lý
quyền làm việc và các điều kiện lao động (ICESCR)	ICESCR về quyền được hưởng điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi. Việc quy định phụ cấp chức vụ nhằm bảo đảm chế độ đãi ngộ phù hợp với trách nhiệm quản lý, tính chất và mức độ phức tạp của công việc, góp phần thực hiện nguyên tắc thù lao công bằng và khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục. Chính sách không làm hạn chế quyền con người theo ICESCR và không phát sinh xung đột với các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.	yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế
Sự tương thích về trả công bình đẳng và không phân biệt đối xử (Công ước ILO 100, 111)	Tương thích Quy định phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục: (i) <i>Phù hợp với Công ước ILO số 100</i>, vì phụ cấp chức vụ được xác định căn cứ vào chức vụ quản lý, phạm vi quản lý, mức độ trách nhiệm và yêu cầu của vị trí việc làm, không căn cứ vào giới tính hoặc các yếu tố phân biệt khác; (ii) <i>Phù hợp với Công ước ILO số 111</i>, do chính sách áp dụng thống nhất đối với mọi cá nhân đáp ứng điều kiện bổ nhiệm vào cùng chức vụ quản lý, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, thành phần xã hội hoặc các yếu tố không liên quan đến yêu cầu công việc. Việc quy định các mức phụ cấp khác nhau giữa các chức vụ hoặc giữa các loại hình cơ sở giáo dục (nếu có) được xây dựng trên tiêu chí khách quan, phản ánh sự khác biệt về quy mô, tính chất, mức độ phức tạp của công việc và trách nhiệm quản lý; do đó không bị coi là phân biệt đối xử theo Công ước ILO số 111. Chính sách góp phần thực hiện nguyên tắc trả công tương xứng với trách nhiệm của vị trí quản lý, bảo đảm công bằng trong hệ thống tiền lương của khu vực công. Như vậy, chính sách phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tương thích với Công ước ILO số 100 về trả công bình đẳng và Công ước ILO số 111 về chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp. Phụ cấp chức vụ được xác định trên cơ sở yêu cầu của vị trí việc làm, chức vụ, phạm vi và mức độ trách nhiệm quản lý, áp dụng theo các tiêu chí khách quan, thống nhất, không phân biệt giới tính hoặc các yếu tố bị cấm theo các Công ước của ILO. Do đó, chính sách không phát sinh xung đột với các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam theo hai Công ước này.	Giữ nguyên: không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế
Sự tương thích về nguyên tắc đối xử quốc	Tương thích Chính sách quy định phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tương thích với các cam kết của Việt Nam về nguyên tắc tiếp cận thị trường (MA) và đối xử quốc gia (NT) trong khuôn khổ GATS/WTO. Chính sách chỉ điều chỉnh chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo	Giữ nguyên: không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung

Nội dung đánh giá	Kết quả rà soát và đánh giá tương thích	Đề xuất xử lý
gia (NT) và tiếp cận thị trường (MA)	dục theo pháp luật Việt Nam, không phải là biện pháp điều chỉnh hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục hoặc điều kiện gia nhập thị trường, không tạo ra sự phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ trong nước và nước ngoài, cũng như không đặt ra bất kỳ hạn chế nào vượt quá các cam kết của Việt Nam trong WTO.	nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế
Sự tương thích về tiêu chuẩn nghề nghiệp và bằng cấp	Tương thích Chính sách phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tương thích với các cam kết quốc tế liên quan đến tiêu chuẩn nghề nghiệp và bằng cấp. Chính sách không quy định tiêu chuẩn chuyên môn, trình độ đào tạo, văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện bổ nhiệm đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mà chỉ điều chỉnh chế độ phụ cấp đối với người đã được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chính sách không làm phát sinh nghĩa vụ quốc tế mới, không ảnh hưởng đến việc công nhận trình độ chuyên môn và không tạo ra rào cản đối với việc cung cấp dịch vụ giáo dục theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Việc ban hành hoặc điều chỉnh phụ cấp chức vụ không làm thay đổi hệ thống tiêu chuẩn chức danh quản lý cơ sở giáo dục; không làm phát sinh yêu cầu mới về văn bằng, chứng chỉ hoặc trình độ chuyên môn; Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về công nhận trình độ chuyên môn.	Giữ nguyên: không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế
Sự tương thích về tính minh bạch và thủ tục hành chính	Tương thích Chính sách phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tương thích với các yêu cầu về tính minh bạch và thủ tục hành chính theo các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Chính sách được quy định công khai, minh bạch trong văn bản quy phạm pháp luật, xác định rõ đối tượng, điều kiện và nguyên tắc áp dụng; đồng thời không quy định hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính mới, không tạo gánh nặng tuân thủ đối với tổ chức, cá nhân và không ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về minh bạch trong quản lý dịch vụ.	Giữ nguyên: không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế

3. Đánh giá về nguy cơ xung đột và tranh chấp

a. Về nguy cơ xung đột với các điều ước quốc tế:

Qua rà soát các điều ước quốc tế có liên quan cho thấy nội dung quy định trong dự thảo Nghị định không có nguy cơ dẫn đến xung đột với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Lý do:

- Chính sách chỉ điều chỉnh chế độ phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo pháp luật Việt Nam, không điều chỉnh quyền tiếp cận thị trường, hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục hoặc công nhận trình độ chuyên môn.

- Chính sách được xây dựng trên các tiêu chí khách quan (chức vụ, phạm vi quản lý, trách nhiệm quản lý), không phân biệt đối xử theo giới tính, quốc tịch hoặc các căn cứ bị cấm theo các điều ước quốc tế.

- Chính sách không làm hạn chế quyền con người, quyền lao động hoặc các quyền kinh tế, xã hội đã được Việt Nam cam kết bảo đảm.

b. Về khả năng phát sinh tranh chấp quốc tế, thương mại và đầu tư:

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh tranh chấp quốc tế, thương mại hay đầu tư. Lý do:

- Không thuộc phạm vi điều chỉnh của các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ hoặc bảo hộ đầu tư quốc tế.

- Không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài. Không tạo ra sự phân biệt đối xử giữa chủ thể trong nước và nước ngoài.

- Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết của Việt Nam trong WTO hoặc các điều ước quốc tế về lao động và quyền con người.

Qua rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến quyền lao động, chế độ đãi ngộ, không phân biệt đối xử và thương mại dịch vụ, chính sách phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục không có nội dung mâu thuẫn hoặc không tương thích với các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam. Chính sách chỉ điều chỉnh chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý trong khu vực công, không ảnh hưởng đến các cam kết về tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia hoặc quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Do đó, nguy cơ phát sinh xung đột hoặc tranh chấp quốc tế là rất thấp, hầu như không phát sinh.

4. Kết luận

Nội dung dự thảo Nghị định quy định phụ cấp chức vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hoàn toàn tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Chính sách này góp phần thực hiện các cam kết về minh bạch hóa khung pháp lý và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Phương án xử lý: Không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo để đáp ứng các điều ước quốc tế./.

Phụ lục II

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP CHỨC VỤ CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP (TRƯỚC SẮP XẾP, SÁP NHẬP)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-BGDDĐT ngày/...../2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Số lượng cơ sở giáo dục công lập (Theo cấp quản lý, cấp học, trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục)

TT	Bộ/ Địa phương	Tổng số cơ sở công lập									Ghi chú
		Tổng	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT (THPT & THCS)	GDTX, GDNN, TT khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	
	Cộng	34.978	12.092	11.392	9.972	2.594	574	75	172	169	
I	Địa phương	34.776	12.092	11.392	9.972	2.594	574	74	109	31	
1	An Giang	1289	317	534	247	175	11	4	1		
2	Bắc Ninh	1149	382	317	363	60	17	4	6		
3	Cà Mau	741	190	309	174	52	2		5	1	
4	TP Cần Thơ	1158	329	483	238	94	14				
5	Cao Bằng	515	172	123	179	30	10		1		
6	Đà Nẵng		296	309	214	130	5				
7	Đắk Lắk	1210	349	394	347	96	18	3	2	1	
8	Điện Biên		174	140	123	33	4		2		
9	Đồng Nai	1134	340	397	290	83	19		4	1	
10	Đồng Tháp	1076	339	385	254	79	8	6	4	1	
11	Gia Lai	1286	379	406	379	102	17		3		

TT	Bộ/ Địa phương	Tổng số cơ sở công lập									Ghi chú
		Tổng	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT (THPT & THCS)	GDTX, GDNN, TT khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	
12	Hà Nội	2334	815	729	617	124	29	9	10	1	
13	Hà Tĩnh	657	233	221	148	38	9	3	4	1	
14	Hải Phòng	1432	468	436	424	80	16	2	4	2	
15	TP Hồ Chí Minh	2224	694	818	466	170	63	13			23 trường chuyên biệt
16	TP Huế	694	313	190	129	38	5	3	6	10	
17	Khánh Hòa	737	326	205	137	47	15		5	2	
18	Hưng Yên	625	303	120	106	43	48		4	1	
19	Lai Châu	458	234	108	76	31	8		1		
20	Lâm Đồng	1450	400	558	363	114	16		3		
21	Lạng Sơn	640	223	154	213	37	12		1		
22	Lào Cai	951	328	190	347	68	18				
23	Nghệ An	1450	476	478	393	72	21	10			
24	Ninh Bình	1426	440	440	425	92	23	1	4	1	
25	Phú Thọ	1855	651	440	610	118	31	1	4	1	
26	Quảng Ngãi	893	297	225	290	61	15		2	1	1 TT PTHN, 2 TT GDTX cấp tỉnh
27	Quảng Ninh	290	87	52	116	34	1		2	1	1 TT GDTX cấp tỉnh với 12

[illegible]

TT	Bộ/ Địa phương	Tổng số cơ sở công lập									Ghi chú
		Tổng	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT (THPT & THCS)	GDTX, GDNN, TT khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	
20	Tập đoàn CN - Năng lượng QG VN	1								1	

II. Số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (theo loại hình, hạng cơ sở, chức vụ), kinh phí chi trả phụ cấp chức vụ hằng tháng (đơn vị: nghìn đồng)

TT	Loại hình, xếp hạng cơ sở, hệ số/ chức vụ	Tổng	Hiệu trưởng/ Giám đốc	Phó HT/ Phó GD	Trưởng Phòng/ Ban hoặc TD	Phó Trưởng Phòng/ Ban hoặc TD	Trưởng Khoa hoặc TD	Phó Trưởng khoa hoặc TD	Tổ trưởng bộ môn hoặc TD	Tổ phó tổ bộ môn hoặc TD	Khác (nếu có)
1	Cơ sở GD Đại học										
	Trọng điểm	2519	18	42	235	402	182	325	713	595	7
	Hệ số		1.1	1	0.8	0.6	0.6	0.5	0.4	0.3	0.2
	Khác	10461	169	390	1481	1817	1291	1865	2155	1161	132
	Hệ số		1	0.8	0.5	0.4	0.5	0.4	0.4	0.3	0.2
2	Cao đẳng										
	Hạng 3	3771	136	266	674	772	611	676	516	116	4
	Hệ số		0.9	0.7	0.45	0.35	0.45	0.35	0.25	0.2	0.2
	Hạng 4	546	20	52	133	149	121	17	48	6	0
	Hệ số		0.8	0.6	0.45	0.35	0.45	0.35	0.25	0.2	

[illegible]

[illegible]

TT	Loại hình, xếp hạng cơ sở, hệ số/ chức vụ	Tổng	Hiệu trưởng/ Giám đốc	Phó HT/ Phó GD	Trưởng Phòng/ Ban hoặc TD	Phó Trưởng Phòng/ Ban hoặc TD	Trưởng Khoa hoặc TD	Phó Trưởng khoa hoặc TD	Tổ trưởng bộ môn hoặc TD	Tổ phó tổ bộ môn hoặc TD	Khác (nếu có)
	Hạng 9	63177	7657	13851	0	0	0	0	23756	17902	11
	<i>Hệ số</i>		0.5	0.35					0.2	0.15	0.15
	Hạng 10	28129	4199	5784	0	0	0	0	10453	7692	1
	<i>Hệ số</i>		0.35	0.25					0.2	0.15	0.15
	SỐ NGƯỜI HƯỞNG PHỤ CẤP	337.056	35.553	55.584	3.430	3.870	2.334	2.975	133.316	99.524	470
	KINH PHÍ CHI TRẢ 01 THÁNG CHO KHỐI MÀM NON, PHỔ THÔNG	191.775.012	39,866,602	48,099,222	112,838	1,518	506	-	66,915,464	36,654,767	124,097
	TỔNG KINH PHÍ CHI TRẢ 01 THÁNG	215.707.041	41,702,370	50,882,728	3,993,479	3,733,901	2,856,876	2,970,347	70,896,925	38,473,963	196,455

Phụ lục III
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP CHỨC VỤ CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP (TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 8 NĂM 2026 - SAU SẮP XẾP, SÁP NHẬP)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BGDDĐT ngày/....../2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Số lượng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tại các địa phương sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập

TT	Tên tỉnh/thành phố	TS trường trước sắp xếp (tháng 7/2026)	Tỷ lệ % giảm đầu mỗi	TS trường sau sắp xếp	Số lượng CSGD dự kiến giảm (thành phần hiệu)	Số CBQL trước sắp xếp	Số CBQL sau sắp xếp
1	Hà Nội	2,153	52.9	1,015	1,138	5,881	3,168
2	Bắc Ninh	1,139	48.8	583	556	2,956	1,722
3	Quảng Ninh	570	49.1	290	280	1,262	860
4	Hải Phòng	1,443	39.2	878	565	3,522	2,321
5	Hưng Yên	1,163	60.4	460	703	2,993	1,623
6	Ninh Bình	1,566	52.9	737	829	3,740	2,303
7	Cao Bằng	514	42.8	294	220	1,113	808
8	Tuyên Quang	1,063	45.6	578	485	2,557	1,641
9	Lào Cai	1,010	53.2	473	537	2,584	1,483
10	Thái Nguyên	929	54.1	426	503	2,192	1,355
11	Lạng Sơn	637	45.2	349	288	1,551	986
12	Phú Thọ	1,864	47.6	976	888	4,800	2,840
13	Điện Biên	466	37.8	290	176	1,236	756
14	Lai Châu	335	42.1	194	141	882	529
15	Sơn La	406	45.8	220	186	1,617	626
16	Thanh Hóa	1,932	38.7	1,185	747	4,542	3,117
17	Nghệ An	1,449	46.1	781	668	3,449	2,230
18	Hà Tĩnh	652	55.4	291	361	1,525	943

TT	Tên tỉnh/thành phố	TS trường trước sắp xếp (tháng 7/2026)	Tỷ lệ % giảm đầu mỗi	TS trường sau sắp xếp	Số lượng CSGD dự kiến giảm (thành phần hiệu)	Số CBQL trước sắp xếp	Số CBQL sau sắp xếp
19	Quảng Trị	913	51.7	441	472	2,218	1,354
20	Tp Huế	543	45.5	296	247	1,283	839
21	Đà Nẵng	976	39.5	590	386	2,309	1,566
22	Quảng Ngãi	877	46.6	468	409	2,102	1,345
23	Khánh Hòa	728	37.2	457	271	1,550	1,185
24	Gia Lai	1,283	44.3	715	568	2,852	1,998
25	Đắk Lắk	1,267	48.8	649	618	2,856	1,916
26	Lâm Đồng	1,453	41.57	849	604	3,326	2,302
27	Tây Ninh	969	45.3	530	439	2,065	1,499
28	Đồng Nai	1,128	40.1	676	452	2,737	1,804
29	TP Hồ Chí Minh	2,188	32.18	1,484	704	5,472	3,672
30	Vĩnh Long	1,258	53.81	581	677	2,781	1,839
31	Đồng Tháp	1,075	65.1	375	700	2,425	1,450
32	An Giang	1,296	47.7	678	618	2,974	1,974
33	Cần Thơ	1,155	47.27	609	546	2,607	1,764
34	Cà Mau	738	50.27	367	371	1,589	1,105
	Tổng số	37,138	46.73	19,785	17,353	89,548	56,923

II. Đánh giá số lượng, ước tính kinh phí chi trả phụ cấp chức vụ cán bộ quản lý được điều chỉnh sau sắp nhập

1. Số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông giảm khoảng: 17.353 cơ sở (từ 37.138 cơ sở còn 19.785 cơ sở).

2. Số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng giảm đi khoảng: 15.393 người, trong đó:

- Trường mầm non giảm: 5.332 hiệu trưởng, 8.971 phó hiệu trưởng;
- Trường tiểu học giảm: 5.187 hiệu trưởng, 5.902 phó hiệu trưởng
- Trường THCS giảm: 4.874 hiệu trưởng, 2.359 phó hiệu trưởng

- Trường THPT cơ bản giữ nguyên.

2. Số kinh phí chi trả phụ cấp chức vụ cho hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông:

- Trước sắp xếp, sáp nhập: 87,966 tỷ;

- Sau sắp xếp, sáp nhập (mức phụ cấp tính theo hệ số tại dự thảo Nghị định): 66,067 tỷ;

Theo đó, kinh phí chi trả phụ cấp 01 tháng giảm đi: 21,899 tỷ.

Phụ lục IV

BẢNG ĐÁNH GIÁ TƯƠNG QUAN PHỤ CẤP CHỨC VỤ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC VỚI PHỤ CẤP CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-BGDDĐT ngày/....../2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Chức danh quản lý cơ sở giáo dục	Mức phụ cấp quy định tại dự thảo Nghị định	Vị trí tương quan trong hệ thống chính trị (Quy định 368)	Một số chức danh tương đương trong hệ thống hành chính	Mức phụ cấp chức vụ hiện hành	Nhận xét, đánh giá tương quan hoặc đề xuất
I	Giáo dục đại học và Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giám đốc ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP.HCM	1,30	Bậc 1 - Nhóm III	Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội	1,30	Tương quan phù hợp
2	Phó Giám đốc ĐHQG	1,10	Bậc 1 - Nhóm IV	Phó Chủ tịch UBND Hà Nội, TP.HCM	1,10	Tương quan phù hợp
3	Giám đốc đại học, đại học vùng; Hiệu trưởng trường đại học trọng điểm	1,10	Bậc 2 - Nhóm IV	Cục trưởng loại I	1,10	Tương quan phù hợp
4	Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học khác (gồm trường đại học thành viên ĐHQG, đại học vùng)	0,9-1,0	Bậc 3 và bậc 4 - Nhóm IV	Phó Cục trưởng loại I	0,9	Tương quan phù hợp
5	Phó Giám đốc đại học, đại học vùng; Phó Hiệu trưởng trường đại học trọng điểm Hiệu trưởng trường cao đẳng chất lượng cao, trọng điểm	0,9-1,0	Bậc 4 - Nhóm IV	Phó Cục trưởng loại I Trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	0,9	Tương quan phù hợp

TT	Chức danh quản lý cơ sở giáo dục	Mức phụ cấp quy định tại dự thảo Nghị định	Vị trí tương quan trong hệ thống chính trị (Quy định 368)	Một số chức danh tương đương trong hệ thống hành chính	Mức phụ cấp chức vụ hiện hành	Nhận xét, đánh giá tương quan hoặc đề xuất
6	Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học khác (gồm trường đại học thành viên ĐHQG) Hiệu trưởng trường cao đẳng khác	0,8	Bậc 5 - Nhóm IV	Phó Cục trưởng loại II Cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	0,8	Tương quan phù hợp
7	Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng chất lượng cao, trường cao đẳng khác	0,6 - 0,7	Bậc 6 - Nhóm IV	Cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp phó đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh	0,6 - 0,7	Tương quan phù hợp
8	Hiệu trưởng trường trung cấp (quy mô lớn, trung bình và nhỏ)	0,6 - 0,8	Bậc 6 - Nhóm IV	Cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp phó đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh	0,6 - 0,7	Tương quan phù hợp
9	Trưởng khoa, Trưởng phòng trường cơ sở GDĐH	0,5 - 0,6	Bậc 7 - Nhóm IV	Cấp trưởng phòng thuộc Cục thuộc Bộ	0,6 - 0,7	Tương quan phù hợp
10	Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng trường cơ sở GDĐH	0,4 - 0,5	Bậc 7 - Nhóm IV	Cấp phó trưởng phòng thuộc Cục loại I thuộc Bộ	0,5	Tương quan phù hợp
11	Trưởng phòng, khoa trường cao đẳng	0,45 - 0,55	Bậc 8 - Nhóm IV	Cấp phó trưởng phòng thuộc Cục loại I thuộc Bộ	0,5	Tương quan phù hợp
12	Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa trường cao đẳng	0,35 - 0,45	Bậc 9 - Nhóm IV	Cấp phó trưởng phòng đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ	0,4	Tương quan phù hợp
13	Trưởng phòng, khoa trường trung cấp	0,35	Bậc 9 - Nhóm IV	Phó Trưởng đơn vị sự nghiệp cấp xã, phường	0,25 - 0,4	Tương quan phù hợp

TT	Chức danh quản lý cơ sở giáo dục	Mức phụ cấp quy định tại dự thảo Nghị định	Vị trí tương quan trong hệ thống chính trị (Quy định 368)	Một số chức danh tương đương trong hệ thống hành chính	Mức phụ cấp chức vụ hiện hành	Nhận xét, đánh giá tương quan hoặc đề xuất
14	Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa trường trung cấp	0,25	Bậc 10 - Nhóm IV	Phó Trưởng đơn vị sự nghiệp cấp xã, phường	0,25 - 0,4	Tương quan phù hợp
II	Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông					
1	Hiệu trưởng trường THPT thuộc UBND cấp tỉnh	0,7	Bậc 6 - Nhóm IV	Cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp phó đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh	0,6 - 0,7	Tương quan phù hợp
2	Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, THCS thuộc UBND cấp xã (tùy quy mô)	0,50 - 0,55	Tương đương bậc 8-9 - Nhóm IV	Trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã đến cấp tỉnh	0,25 - 0,6	Tương quan phù hợp
3	Phó Hiệu trưởng trường mầm non, phổ thông	0,35 - 0,45	Tương đương bậc 9-10 - Nhóm IV	Cấp trưởng, phó cơ quan chuyên môn thuộc cấp xã của HN, TP HCM	0,2 - 0,35	Tương quan phù hợp
4	Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn	0,15 - 0,2	Không thuộc khung chức danh lãnh đạo			Phù hợp